TPS
TIEN PHONG SECURITIES

NGÀY PHÁT HÀNH
04.11.2026

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG T11.2026

RỦI RO HẠ NHIỆT, THỊ TRƯỜNG CHỜ ĐỘNG LỰC

Áp lực vĩ mô giảm dần; thị trường chờ dòng tiền trở lại để hình thành xu hướng tăng rõ nét.



QUÉT QR
MỞ TÀI KHOẢN

TPS Research

THÔNG ĐIỆP

- Tháng 10, **thị trường điều chỉnh tháng thứ hai liên tiếp** khi VN-Index đóng cửa tại **1,741.62 điểm**, **giảm 1.53% MoM**; VN30 -2.72%. Nếu loại trừ nhóm Vingroup, vốn hóa rổ VN-Index giảm 3.4%. Thanh khoản khớp lệnh giảm 6.88% về 12,380 tỷ đồng/phiên, khối ngoại bán ròng 24,024 tỷ đồng trên HOSE, gần gấp 5 lần tháng 9. Định giá hấp dẫn với **P/E 10.67 lần**, thấp hơn khoảng 30% so với bình quân 10 năm.
- Bước sang tháng 11, **rủi ro vĩ mô đã nhẹ đi**: lạm phát cơ bản giảm về 4.04%, lãi suất thôi leo thang, tỷ giá được kiểm soát. Tuy nhiên, hạn chót điều tra thuế quan Mục 301 ngày 29/11 có thể tác động đến tâm lý của NĐT. Định giá thấp giúp thị trường **khó giảm sâu nhưng chưa đủ lực định giá lại**; chúng tôi nghiêng về kịch bản **tích lũy và phân hóa** trong vùng 1,677 – 1,780 điểm.

KỊCH BẢN DỰ BÁO VN-INDEX



GỢI Ý CỔ PHIẾU TIỀM NĂNG

VCI TCH

TPS
TIEN PHONG SECURITIES

NỘI DUNG CHÍNH

01. Nhìn lại thị trường tháng 10.2026
1.1. Bối cảnh chung
1.2. Diễn biến thị trường chứng khoán

02. Dự báo xu hướng thị trường tháng 11.2026
2.1. Các yếu tố có thể tác động đến thị trường
2.2. Dự báo kịch bản vận động của chỉ số VN-index

03. Nhận định cổ phiếu tâm điểm & gợi ý cơ hội đầu tư
3.1. Nhận định kỹ thuật cổ phiếu có giá trị giao dịch lớn nhất
3.2. Gợi ý cơ hội đầu tư

TPS
TIEN PHONG SECURITIES

01

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

NHÌN LẠI THỊ TRƯỜNG THÁNG 10.2026

Tổng quan diễn biến thị trường và những điểm nhấn nổi bật

REVIEW REVIEW REVIEW REVIEW REVIEW

TPS Research

1.1. BỐI CẢNH CHUNG

- **Dự báo tăng trưởng**

Kinh tế toàn cầu duy trì sức chống chịu nhờ làn sóng đầu tư trí tuệ nhân tạo (AI), song triển vọng tăng trưởng phân hóa. **IMF nâng dự báo tăng trưởng năm 2026 lên 3.1%**, nhưng vẫn thấp hơn mức 3.5% năm 2025; **dự báo năm 2027 giữ ở 3.4%**. Động lực tập trung tại các nền kinh tế hưởng lợi từ công nghệ, trong khi nhóm nhập khẩu năng lượng chịu sức ép chi phí và dư địa tài khóa thu hẹp. Xung đột Trung Đông, dự trữ dầu suy giảm và lạm phát dai dẳng tiếp tục là rủi ro, đặt ra yêu cầu thận trọng với kỳ vọng nới lỏng tiền tệ trên phạm vi toàn cầu.

Triển vọng trong nước tích cực hơn nhờ chính sách hỗ trợ, dòng vốn FDI và nhu cầu nội địa. Với GDP chín tháng tăng 9.01%, Standard Chartered dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2026 đạt 9.5%, tăng lên 11% năm 2027 và đạt 9.1% năm 2028. Tuy nhiên, dự báo lạm phát cũng được nâng lên 4.7% và 3.9% trong hai năm 2026–2027, cho thấy áp lực cân đối giữa thúc đẩy tăng trưởng và ổn định vĩ mô. Đối với thị trường chứng khoán, nền tảng tăng trưởng hỗ trợ kỳ vọng lợi nhuận doanh nghiệp, nhưng chiến lược đầu tư cần ưu tiên doanh nghiệp có khả năng chuyển hóa nhu cầu thành lợi nhuận, kiểm soát chi phí và duy trì sức khỏe tài chính vững vàng trong trung hạn.

- **Chính sách tiền tệ**

Chính sách tiền tệ toàn cầu tiếp tục thận trọng khi lạm phát dai dẳng. Trong tháng 10, Fed giữ nguyên lãi suất ở 3.75–4% sau đợt tăng tháng 9, nhằm đánh giá thêm dữ liệu trước khi quyết định bước đi tiếp theo. ECB và BOJ cũng duy trì lãi suất lần lượt ở 2.50% và 1.25%. Lợi suất trái phiếu Chính phủ Mỹ kỳ hạn 10 năm giảm 0.35 điểm phần trăm xuống 4.94%, giúp giảm sức ép lên chi phí vốn toàn cầu. Tuy nhiên, DXY tăng lên quanh mốc 102 điểm cho thấy USD vẫn mạnh, khiến điều kiện tài chính quốc tế chưa thực sự thuận lợi.

Mặt bằng lãi suất trong nước được hỗ trợ bởi điều chỉnh chính sách. Sau công văn 9736/NHNN-CSTT, lãi suất huy động kỳ hạn từ sáu tháng giảm 0.4–0.5 điểm phần trăm. Việc nâng trần tỷ lệ cho vay trên tiền gửi từ 85% lên 95%, hiệu lực từ ngày 01/12/2026, mở thêm dư địa cung ứng tín dụng. Tỷ giá trung tâm cuối tháng 10 đạt 25,637 đồng/USD, gần như đi ngang, phản ánh sự ổn định. Dù vậy, USD duy trì sức mạnh và khả năng Fed tăng lãi suất tiếp tục hạn chế dư địa giảm lãi suất điều hành. Vì vậy, chúng tôi kỳ vọng chi phí vốn hạ nhiệt có chọn lọc; thị trường chứng khoán khó đón dòng vốn lớn, cần dựa nhiều hơn vào tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp thực chất.

Diễn biến TTCK thế giới

Chỉ số	Đóng cửa 30/10/2026	%MoM	%YTD
VN-Index	1,741.62	-1.53%	-2.40%
Nikkei 225	63,290.11	-5.19%	+25.73%
KOSPI	5,730.74	-16.19%	+35.99%
Shanghai Composite	3,599.02	-6.33%	-9.23%
Hang Seng	23,294.42	-5.36%	-9.20%
SET (Thái Lan)	1,518.59	-2.59%	+20.55%
STI (Singapore)	5,376.74	-5.27%	+15.72%
Dow Jones	51,770.31	+1.70%	+7.04%
S&P 500	7,580.07	-0.93%	+9.92%
Nasdaq	25,437.00	-5.30%	+8.62%
DAX	25,818.21	+2.46%	+5.42%
CAC 40	7,969.42	+0.06%	-2.43%
FTSE 100	10,729.78	+1.17%	+7.94%

1.2. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

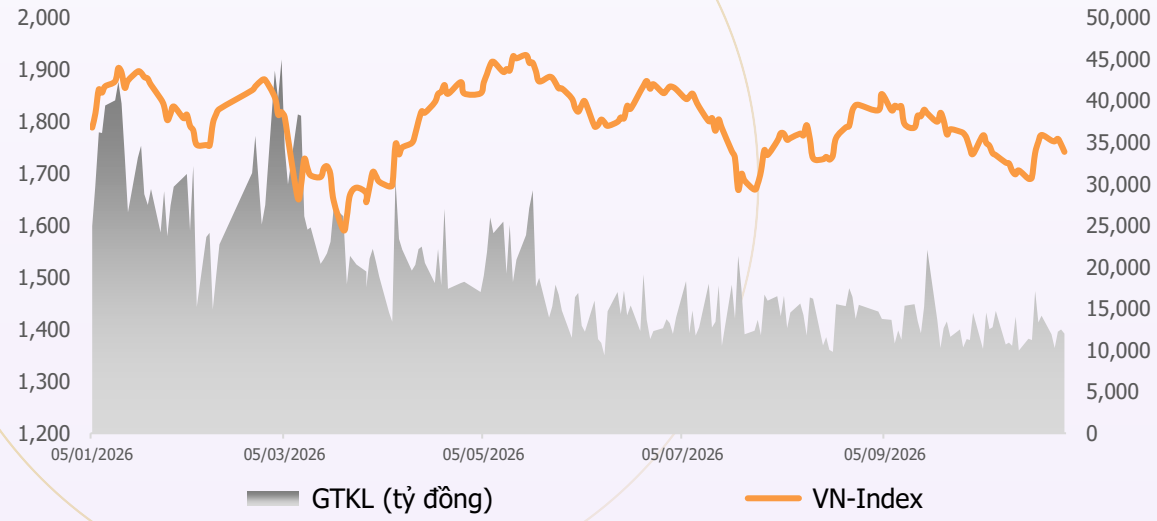
Kết phiên 30/10/2026, VN-Index đóng cửa tại 1,741.62 điểm, giảm 1.53% so với tháng trước và 2.40% so với đầu năm, ghi nhận tháng điều chỉnh thứ hai liên tiếp. Diễn biến tháng 10 chia thành ba nhịp rõ rệt: giảm từ vùng 1,768 điểm xuống đáy 1,689.84 điểm trong giai đoạn 01–19/10; hồi phục gần 5% trong bốn phiên 20–23/10, lên 1,774.15 điểm; sau đó giảm lại 32.53 điểm, tương đương 1.83%, trong tuần cuối tháng. Nhóm vốn hóa lớn chịu áp lực mạnh nhất khi VN30 giảm 2.72%.

Diễn biến chỉ số chưa phản ánh đầy đủ áp lực điều chỉnh của thị trường. Trong khi VN-Index mất khoảng 27 điểm, nhóm Vingroup (VIC, VHM, VRE, VPL) đóng góp dương khoảng 15.8 điểm, riêng VIC hỗ trợ khoảng 21 điểm. Theo đó, các cổ phiếu còn lại kéo giảm khoảng 43 điểm; vốn hóa rổ VN-Index sau khi loại nhóm Vingroup giảm 3.4%, hơn hai lần mức giảm của chỉ số chung. Sự nâng đỡ tập trung ở một số cổ phiếu trụ cho thấy bức tranh thị trường thực tế tiêu cực hơn đáng kể so với những gì VN-Index thể hiện.

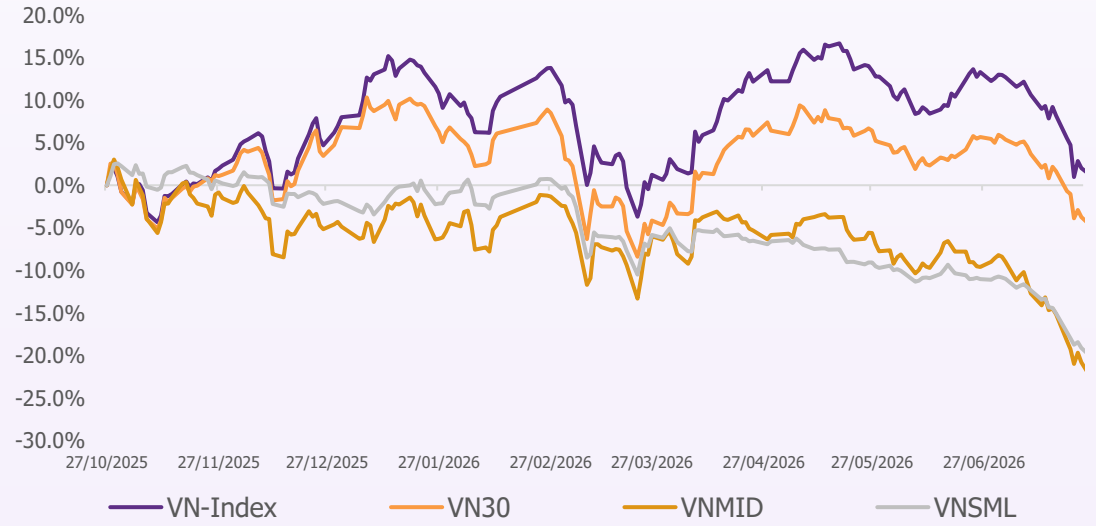
Ngân hàng là nhóm tạo sức ép lớn nhất, lấy đi khoảng 16.3 điểm, tập trung tại LPB, BID, STB, VCB và SSB. Ngược lại, HDB, MSB, CTG và VIB vẫn tăng giá, phản ánh sự phân hóa trong ngành theo kết quả kinh doanh Quý 3. Áp lực còn đến từ FPT trong bối cảnh khối ngoại bán ròng kéo dài, cùng BSR và GAS khi hoạt động chốt lời xuất hiện sau giai đoạn phản ánh kỳ vọng lợi nhuận ở ngành dầu khí. Ở chiều hỗ trợ, ngoài VIC và VPL, chỉ HPG, HDB và MSB đóng góp trên một điểm cho chỉ số.

Thanh khoản suy giảm cho thấy dòng tiền vẫn thận trọng. Giá trị khớp lệnh bình quân đạt 12,380 tỷ đồng/phiên, giảm 6.88% so với tháng trước. Kết hợp với mức độ phân hóa và sự phụ thuộc vào cổ phiếu trụ, diễn biến này cho thấy thị trường chưa hình thành nền tảng đủ rộng cho một nhịp phục hồi bền vững.

Diễn biến VN-index và GTGD khớp lệnh



Thay đổi các chỉ số chính %YoY



Nguồn: Fiiinpro, TPS Research

1.2. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Áp lực bán ròng của khối ngoại gia tăng mạnh trong tháng 10. Trên HOSE, giá trị bán ròng đạt 24,024 tỷ đồng, cao nhất từ đầu năm và gần gấp năm lần tháng 9. Chuỗi bán ròng kéo dài 20 phiên liên tiếp, dài nhất trong hai năm, đưa giá trị lũy kế từ đầu năm lên khoảng 121,906 tỷ đồng và trong 12 tháng gần nhất lên khoảng 126,400 tỷ đồng.

Giao dịch thỏa thuận đóng góp đáng kể vào quy mô bán ròng của tháng 10. Trên toàn thị trường, khối ngoại bán ròng khoảng 10,519 tỷ đồng qua phương thức này, tập trung tại MCH ngày 09/10 (-9,641 tỷ đồng) và HDB đầu tháng (-3,170 tỷ đồng); chiều ngược lại, MSR được mua ròng thỏa thuận 3,240 tỷ đồng. Các giao dịch quy mô lớn này cần được xem xét riêng khi đánh giá áp lực cung trực tiếp lên giá cổ phiếu.

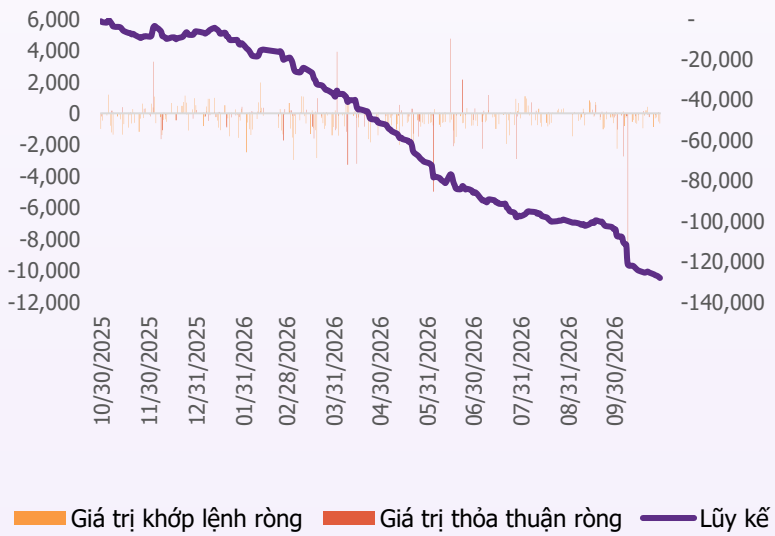
Trên kênh khớp lệnh, sức ép bán vẫn kéo dài tại nhiều cổ phiếu lớn. PNJ và FPT ghi nhận giá trị bán ròng lần lượt 2,135 tỷ đồng và 1,870 tỷ đồng; nhóm ngân hàng gồm ACB, MSB, STB, BID, VCB và HDB bị bán ròng tổng cộng khoảng 2,900 tỷ đồng. Dòng tiền mua vào có chọn lọc và quy mô khiêm tốn hơn, tập trung tại MSN (+645 tỷ đồng), HPG (+272 tỷ đồng), cùng SHB, DCM, VIB, FRT và MBB.

Cùng với đà bán ròng, tỷ lệ sở hữu của khối ngoại trên HOSE giảm xuống 13% tại ngày 30/10/2026, thấp hơn 0.13 điểm phần trăm so với cuối tháng 9 và khoảng 2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Trong bối cảnh thanh khoản trong nước suy giảm, áp lực bán bền bỉ qua khớp lệnh tiếp tục là lực cản đối với khả năng hấp thụ nguồn cung và phục hồi của thị trường.

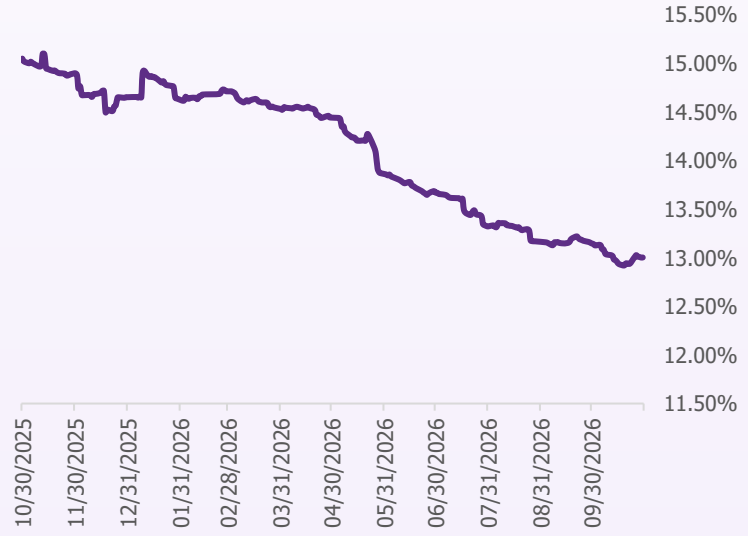
Top GD ròng NĐTNN *(thỏa thuận + khớp lệnh, tỷ đồng)*

Mua ròng	Giá trị	Bán ròng	Giá trị
MSR	+3,223	MCH	-9,602
MSN	+645	HDB	-3,389
HPG	+272	PNJ	-2,135
SHB	+232	FPT	-1,872
DCM	+227	ACB	-1,447
TCB	+227	VJC	-890
VIB	+208	MSB	-564
FRT	+197	VIC	-496
MBB	+179	STB	-443
VNZ	+171	BID	-423

Diễn biến của NĐTNN *(Tỷ đồng)*



Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)



Nguồn: Fiiinpro, TPS Research

1.2. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

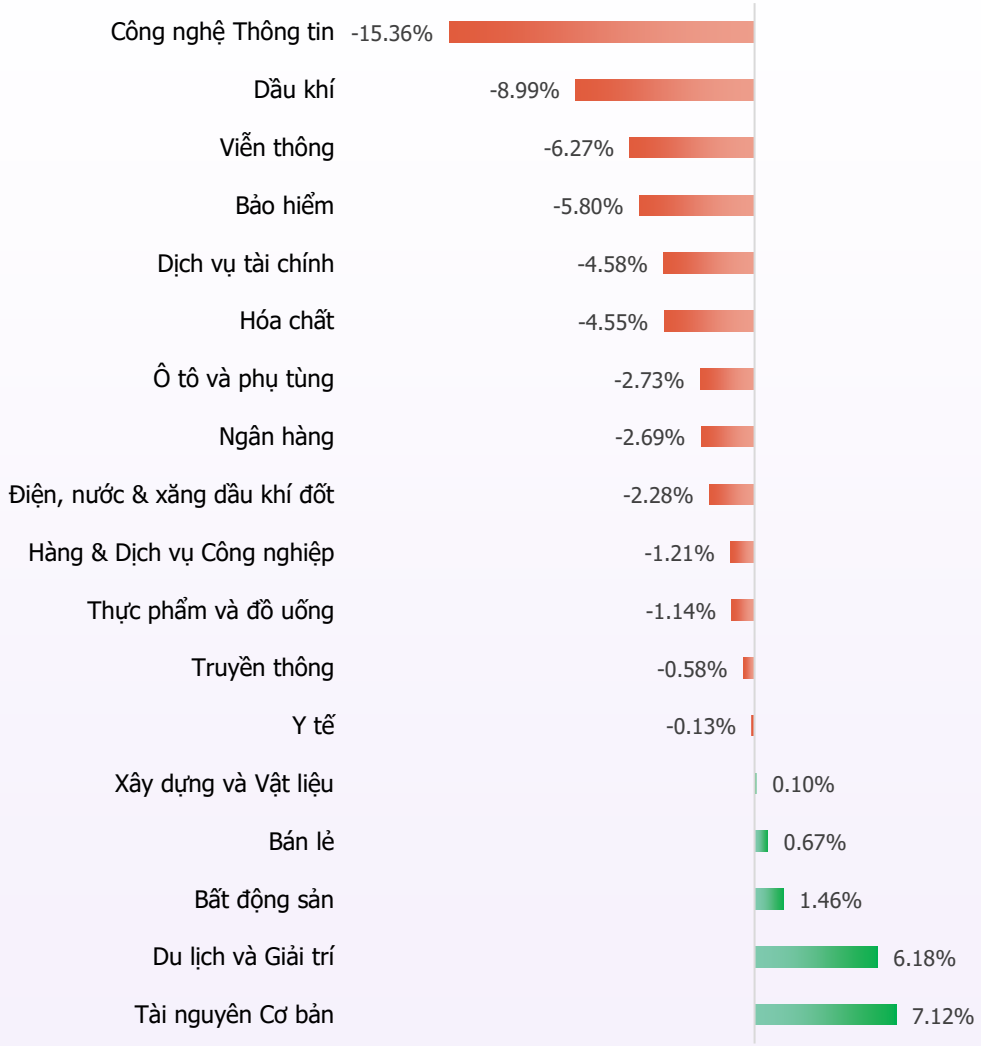
Tăng trưởng lợi nhuận chưa chuyển hóa thành đà tăng trên diện rộng. Dù lợi nhuận quý 3 của phần lớn ngành cải thiện mạnh, nhưng chỉ 5 ngành tăng điểm trong tháng 10, gồm tài nguyên cơ bản (+7.12%), du lịch & giải trí (+6.18%), bất động sản (+1.46%), bán lẻ (+0.67%) và xây dựng & vật liệu (+0.10%).

Các ngành tăng giá nhìn chung được hỗ trợ bởi kết quả kinh doanh tích cực và động lực tăng trưởng rõ ràng. Tài nguyên cơ bản dẫn đầu khi lợi nhuận quý 3 tăng 182.8%YoY, chủ yếu từ thép, kết hợp kỳ vọng đẩy mạnh đầu tư công cuối năm; thanh khoản tăng 16.6%MoM. Bất động sản tăng nhẹ nhờ lợi nhuận gấp 4.4 lần cùng sự nâng đỡ của nhóm Vingroup, dù thanh khoản giảm 12%MoM. Bán lẻ duy trì nền tảng tăng trưởng với năm quý liên tiếp tăng trưởng lợi nhuận, riêng quý 3 đạt 80.2%YoY, hưởng lợi từ chu kỳ thay mới thiết bị công nghệ.

Ở chiều giảm, diễn biến giá phản ánh cả áp lực hiện thực hóa lợi nhuận và sự hụt nhịp của kết quả kinh doanh. Dầu khí giảm 8.99% dù lợi nhuận tăng 346%YoY và giá Brent tăng 14.6% trong tháng 10, sau mức tăng 47% trong 12 tháng, P/B ngành dầu khí đạt 1.60 lần, vượt bình quân 5 năm, cho thấy kỳ vọng tích cực đã được phản ánh đáng kể vào giá. Công nghệ thông tin giảm 15.36% trong tháng và 40.55% so với cùng kỳ, lợi nhuận tăng 10.4%YoY, trong đó FPT chịu sức ép bán ròng kéo dài từ khối ngoại. Dịch vụ tài chính giảm 4.58%, đi cùng mức giảm lợi nhuận 44.9%YoY. Riêng xây dựng & vật liệu gần như đi ngang dù lợi nhuận giảm 36.5%YoY; thanh khoản tăng 24.9%MoM cho thấy dòng tiền hướng tới kỳ vọng giải ngân đầu tư công hơn là kết quả hiện tại.

Ngân hàng và tài nguyên cơ bản nổi bật về tương quan giữa tăng trưởng lợi nhuận và định giá. Lợi nhuận ngân hàng tăng lần lượt 13.5%, 24.5% và 21.1% trong ba quý, trong khi P/B ở mức 1.34 lần, thấp nhất 5 năm và thấp hơn khoảng 18% so với bình quân giai đoạn này. Với tài nguyên cơ bản, P/B đạt 1.38 lần, vẫn sát bình quân 5 năm dù lợi nhuận tăng mạnh. Đây là những nhóm cần tiếp tục theo dõi về khả năng duy trì tăng trưởng và thu hút dòng tiền. Riêng ô tô & phụ tùng, quy mô nhỏ và tỷ lệ công bố kết quả mới đạt 53% vốn hóa khiến số liệu tăng trưởng chưa đủ đại diện cho toàn ngành.

Diễn biến các nhóm ngành trong tháng 10/2026



Nguồn: Fiiinpro, TPS Research

1.2. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Diễn biến các nhóm ngành trong tháng 10:

Ngành	% MoM	%YoY	P/E 30/10/2026	P/E TB 5 năm	P/B 30/10/2026	P/B TB 5 năm	GTGD tháng 10 (tỷ đồng)	GTGD %MoM
Ngân hàng	-2.69%	-0.40%	8.17	9.75	1.34	1.63	108,471	5.63%
Bất động sản	+1.46%	66.09%	15.18	19.81	3.17	2.14	54,640	-11.95%
Dịch vụ tài chính	-4.58%	-20.30%	13.70	18.04	1.36	1.67	35,491	-5.24%
Thực phẩm & đồ uống	-1.14%	5.75%	13.29	18.53	2.47	2.80	32,930	70.12%
Hàng & DV Công nghiệp	-1.21%	0.15%	11.80	15.72	1.96	2.37	21,993	7.01%
Bán lẻ	+0.67%	0.55%	11.73	30.53	3.04	3.24	14,054	8.19%
Tài nguyên Cơ bản	+7.12%	16.86%	8.70	N/M	1.38	1.42	13,147	16.58%
Dầu khí	-8.99%	47.39%	8.35	15.58	1.60	1.43	12,984	-14.04%
Công nghệ Thông tin	-15.36%	-40.55%	9.94	19.89	1.94	3.70	10,331	-6.58%
Xây dựng & Vật liệu	+0.10%	-1.95%	12.18	19.15	1.20	1.42	9,712	24.87%
Du lịch & Giải trí	+6.18%	-0.87%	29.90	110.92	3.66	5.75	7,311	32.11%
Hóa chất	-4.55%	5.91%	11.13	14.81	1.50	1.75	6,342	-24.40%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.28%	24.15%	9.93	15.37	1.62	1.86	5,264	-17.49%
Bảo hiểm	-5.80%	20.78%	12.47	14.87	1.52	1.53	1,581	13.74%
Dược phẩm & Y tế	-0.13%	-1.59%	13.79	15.37	1.40	1.59	1,049	-41.17%
Ô tô & phụ tùng	-2.73%	-14.13%	11.43	22.36	0.99	1.47	789	39.89%
Truyền thông	-0.58%	24.77%	21.27	N/M	2.34	2.10	187	-37.67%

Nguồn: Fiiinpro, TPS Research

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2026

Nhóm / Ngành	Số DN	% Vốn hóa	Q3/26	Q2/26	Q1/26	Q4/25	Q3/25
Toàn thị trường	988/1,518	98.4%	47.1%	49.1%	36.5%	48.9%	32.5%
VN30	30/30	100.0%	80.5%	60.5%	58.6%	39.2%	11.5%
VNMidcap	69/70	99.9%	-8.2%	32.6%	33.6%	59.0%	68.5%
VNSmallcap	190/212	97.3%	-19.6%	-20.2%	11.2%	23.7%	58.8%
Dầu khí	10/12	99.9%	346.0%	251.1%	605.0%	269.5%	-475.1%
Bất động sản	96/127	99.3%	344.7%	239.7%	32.8%	172.3%	-40.1%
Truyền thông	17/32	93.2%	285.8%	189.3%	200.6%	-89.3%	-21.9%
Tài nguyên Cơ bản	68/101	95.5%	182.8%	83.1%	168.7%	30.1%	98.5%
Bán lẻ	20/27	99.1%	80.2%	103.4%	66.6%	133.5%	85.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	107/141	98.2%	58.6%	48.5%	36.0%	60.9%	10.9%
Hóa chất	51/69	99.0%	30.8%	53.3%	56.2%	-36.7%	77.1%
Thực phẩm & đồ uống	95/141	96.2%	29.7%	28.4%	54.6%	36.2%	10.4%
Ngân hàng	28/28	100.0%	21.1%	24.5%	13.5%	20.9%	25.2%
Công nghệ Thông tin	17/28	99.1%	10.4%	17.8%	0.4%	14.5%	21.2%
Bảo hiểm	12/13	99.3%	0.9%	20.6%	21.0%	-14.3%	132.8%
Du lịch & Giải trí	25/46	99.0%	-1.9%	-82.0%	65.7%	30.0%	-33.9%
Ô tô & phụ tùng	13/18	53.3%	-10.1%	-88.3%	58.2%	44.7%	491.8%
Y tế	36/61	93.4%	-11.9%	17.3%	9.0%	17.8%	-2.0%
Hàng & DV Công nghiệp	138/248	96.2%	-13.2%	39.9%	27.5%	5.6%	49.5%
Viễn thông	5/8	99.9%	-15.6%	39.7%	258.9%	7.0%	410.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	40/72	88.7%	-20.9%	-18.1%	43.4%	49.2%	29.2%
Xây dựng & Vật liệu	164/298	88.2%	-36.5%	19.5%	24.2%	55.0%	181.0%
Dịch vụ tài chính	46/48	99.1%	-44.9%	37.1%	25.9%	99.3%	181.0%

Nguồn: FiinPro, dữ liệu ngày 02/11/2026

- **Toàn thị trường:** 988 doanh nghiệp đã công bố KQKD Q3/2026 (đại diện 98.39% vốn hóa), LNST +47.11% YoY (Q1 +36.5%YoY, Q2 +49.1% YoY).
- **Nhóm vốn hóa:** tăng trưởng dồn vào nhóm vốn hóa lớn. VN30 +80.5% (Q2: +60.5%); VNMidcap −8.2%, đảo chiều từ +32.6% ở Q2; VNSmallcap −19.6%, quý giảm thứ hai liên tiếp.
- **Cấp ngành:** 11 ngành tăng trưởng dương.
  - **Dẫn dắt:** Dầu khí +346.0% (nền so sánh thấp), Bất động sản +344.7%, Truyền thông +285.8%, Tài nguyên Cơ bản +182.8%, Bán lẻ +80.2%.
  - **Ngân hàng** (28/28 DN) +21.1%, ổn định trong khoảng 13–25% suốt 5 quý.
  - **Suy giảm:** Dịch vụ tài chính −44.9% và Xây dựng & Vật liệu −36.5% (cùng chịu nền cao +181% của Q3/2025), Hàng cá nhân & Gia dụng −20.9%, Viễn thông −15.6%.

TPS
TIEN PHONG SECURITIES

02

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG THÁNG 11.2026

Các yếu tố có thể tác động đến thị trường và dự báo kịch bản vận động của chỉ số VN-index

OUTLOOK OUTLOOK OUTLOOK

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG TRONG THÁNG 11

RỦI RO ĐÃ NHẸ ĐI

Lạm phát hạ nhiệt

Lạm phát cơ bản còn 4.04%

Lãi suất thôi leo thang

Mặt bằng lãi suất dần ổn định

Tỷ giá được kiểm soát

USD tại VCB giảm 0.65% trong tháng 10

THÁNG 11.2026

VN-INDEX

Khó giảm sâu

Chưa đủ lực định giá lại

HỖ TRỢ CHƯA ĐỦ MẠNH

Thiếu tiền rẻ

Liên ngân hàng 3–6 tháng: 7.5–8.0%

Lợi suất TPCP 10 năm chưa giảm

Dòng tiền còn yếu

Khối ngoại đứng ngoài

Thanh khoản thấp nhất 13 tháng

THEO DÕI 29/11

Thuế quan: kết luận điều tra sở hữu trí tuệ Mục 301

Định giá thấp có thể đóng vai trò nâng đỡ cho thị trường

P/E =10.67× Thấp hơn khoảng 30% TB 10 năm

Rủi ro đã giảm, nhưng động lực để thị trường được trả mức định giá cao hơn vẫn chưa rõ. So với một tháng trước, bối cảnh vĩ mô thuận lợi hơn: áp lực lạm phát chưa lan rộng, lãi suất ngừng leo thang và tỷ giá được kiểm soát. Tuy nhiên, chi phí vốn vẫn cao, với lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm chưa giảm. Khối ngoại chưa trở lại, trong khi thanh khoản xuống thấp nhất 13 tháng. Những chuyển biến hiện tại giúp giảm sức ép lên thị trường, nhưng chưa tạo đủ dòng tiền cho một nhịp tăng bền vững.

Định giá thấp là điểm tựa, song chưa phải chất xúc tác. VN-Index giao dịch tại P/E 10.67 lần, thấp hơn khoảng 30% so với bình quân 10 năm. Mức chiết khấu này cho thấy thị trường đã phản ánh đáng kể lo ngại về lạm phát và lãi suất, dù không loại trừ khả năng điều chỉnh thêm. Đáng chú ý, P/E giảm chủ yếu nhờ lợi nhuận tăng, cho thấy nền tảng doanh nghiệp cải thiện trong khi giá cổ phiếu chưa theo kịp. Nếu triển vọng lợi nhuận được duy trì, các nhịp giảm có thể thu hút dòng tiền dài hạn. Chúng tôi vì vậy nghiêng về kịch bản thị trường tích lũy và phân hóa; khả năng tăng rõ nét hơn cần được xác nhận bằng chi phí vốn giảm và thanh khoản phục hồi.

2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG

Lạm phát tiếp tục là điểm nóng nhưng có tín hiệu giảm

CPI tháng 10 tăng 5.09% so với cùng kỳ, gần như không đổi so với tháng 9 (5.08%), nhưng lạm phát cơ bản giảm mạnh xuống 4.04%, cho thấy áp lực giá hiện nay phần lớn từ giá năng lượng, còn mặt bằng giá nền của nền kinh tế đang hạ nhiệt.

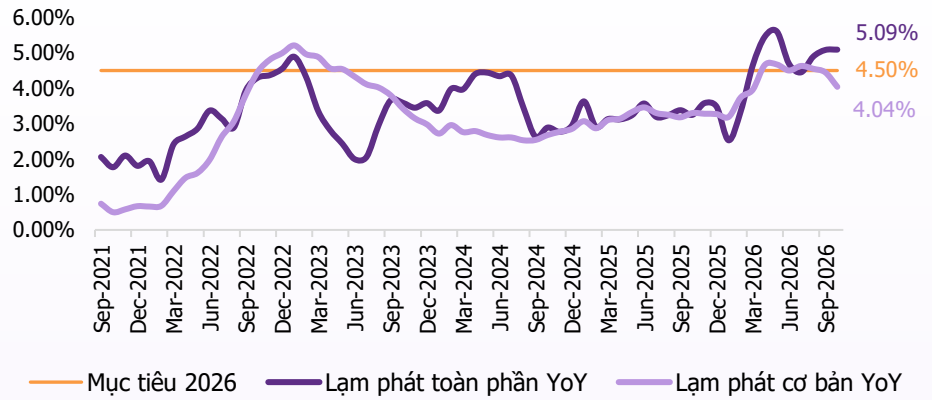
Diễn biến lạm phát từ đầu năm đến nay:

- CPI tổng thể tăng từ 2.53% (tháng 1) lên đỉnh 5.60% (tháng 5), hạ về 4.45% (tháng 7) rồi quay lại trên 5% trong tháng 9 và tháng 10. Bình quân 10 tháng tăng 4.57%, vượt trần mục tiêu điều hành của Chính phủ (4.5%)
- Lạm phát cơ bản giảm từ 4.67% (tháng 5) xuống 4.45% (tháng 9) và 4.04% (tháng 10), mức thấp nhất kể từ tháng 3.

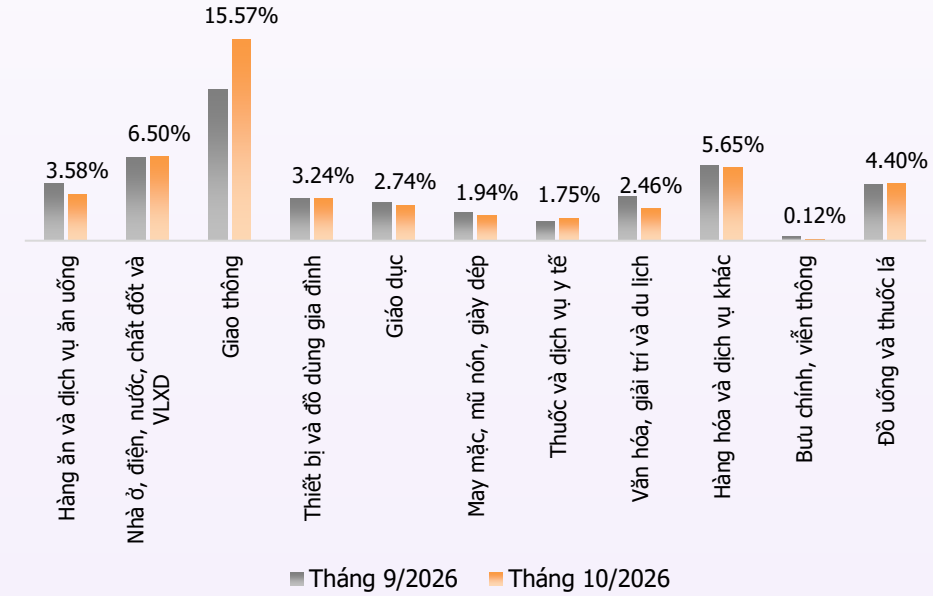
Diễn biến nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính trong tháng 10 cho thấy áp lực tập trung gần như trọn ở giao thông. So với tháng 9, 7/11 nhóm có mức tăng so với cùng kỳ chậm lại. Đáng kể nhất là hàng ăn và dịch vụ ăn uống – nhóm chiếm hơn một phần ba rổ CPI – giảm từ 4.44% xuống 3.58%, và văn hóa, giải trí, du lịch giảm từ 3.42% xuống 2.46%. Bốn nhóm còn tăng nhanh hơn là giao thông, y tế, đồ uống – thuốc lá và nhà ở – điện nước. Riêng giao thông tăng lên 15.57% (tháng 10), chủ yếu do giá dầu Brent tăng 14.6% trong tháng 10.

Kênh truyền dẫn sang thị trường chứng khoán. Lạm phát cơ bản 10 tháng 2026 giảm về 4.24% và các nhóm hàng ngoài nhiên liệu đồng loạt hạ nhiệt là tín hiệu tích cực hơn chúng tôi kỳ vọng. Trước hết, lãi suất nhiều khả năng sẽ bớt leo thang trong ngắn hạn. Để lãi suất thực sự hạ, Ngân hàng Nhà nước cần thêm thời gian quan sát diễn biến của lạm phát toàn phần và tỷ giá. Nhưng với mặt bằng giá nền đang dịu đi, dư địa để điều hành linh hoạt rõ ràng đã rộng hơn, bởi chính sách tiền tệ không điều hành theo biến động giá dầu. Thứ hai, tâm lý thận trọng có thể được cởi trói. VN-Index đang giao dịch ở P/E khoảng 10.67x lần, thấp hơn khoảng 30% so với bình quân 10 năm (15.36 lần). Khi nỗi lo lạm phát lùi lại, đây là nền định giá đủ thấp để thị trường phục hồi về gần hơn mức trung bình lịch sử.

Diễn biến lạm phát Việt Nam 2021 - 2026



CPI theo nhóm hàng hóa dịch vụ chính



Nguồn: Fiiinpro

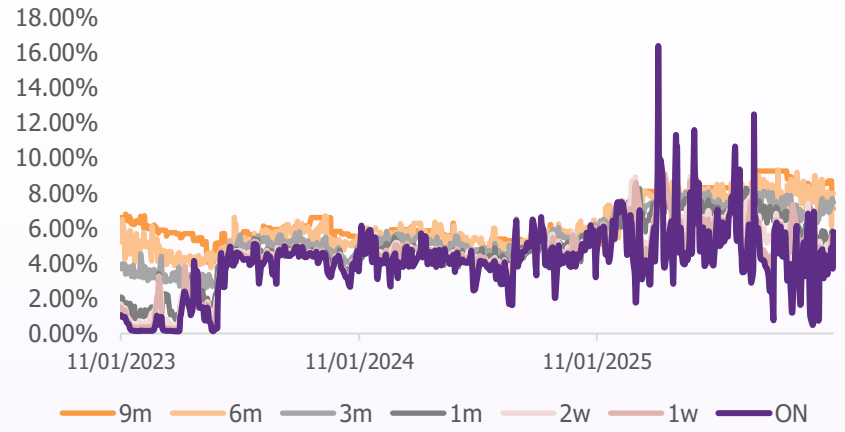
2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG

Lãi suất hạ nhiệt trong ngắn hạn

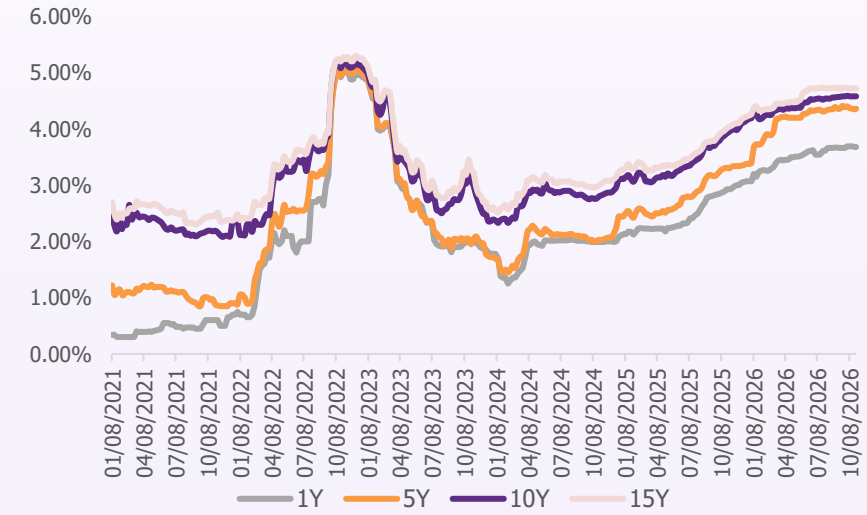
Mặt bằng lãi suất đang dần ổn định sau giai đoạn tăng, tín hiệu hạ nhiệt đang ở giai đoạn đầu và chưa đồng đều giữa các thị trường. Lạm phát cơ bản hạ nhiệt, áp lực huy động bớt căng và chỉ đạo điều hành hỗ trợ giảm lãi suất. Tuy nhiên, nhu cầu vốn vẫn lớn và lợi suất TPCP dài hạn còn cao. Chúng tôi kỳ vọng lãi suất sẽ không còn leo thang và có khả năng trở thành chất xúc tác cho thị trường nếu như xu hướng giảm trở nên rõ ràng hơn.

- Diễn biến trên thị trường liên ngân hàng cho thấy mặt bằng lãi suất trung hạn có khả năng hạ nhiệt trong khi các kỳ hạn ngắn ổn định: Kỳ hạn qua đêm duy trì phổ biến quanh 3% - 4% trong suốt tháng 10, mức cao nhất được ghi nhận là 5.79% chủ yếu do nhu cầu thanh khoản vào cuối tháng nhưng vẫn thấp hơn mức cao nhất của tháng trước (6.95%). Các kỳ hạn từ 1 tuần đến 6 tháng đều có diễn biến ổn định và giảm nhẹ so với tháng trước, đặc biệt kỳ hạn 9 tháng có sự hạ nhiệt rõ nét, giảm còn 7.11% thấp hơn đáng kể so với mức 8.55% của tháng trước.
- Lãi suất huy động giảm nhưng chưa lan tỏa đồng đều: Sau ngày 19/10 và Công văn 9736/NHNN-CSTT, lãi suất niêm yết kỳ hạn từ 6 tháng trở lên giảm khoảng 0.4–0.5 điểm phần trăm. Tuy nhiên, điều chỉnh chủ yếu thể hiện tại quầy, trong khi lãi suất trực tuyến và chứng chỉ tiền gửi vẫn neo cao. Điều này cho thấy nhu cầu thu hút nguồn vốn ổn định của ngân hàng còn lớn, khiến chi phí huy động thực tế khó giảm nhanh.
- Cân đối huy động – tín dụng cải thiện, song áp lực nguồn vốn vẫn hiện hữu: Đến giữa tháng 10, huy động tăng 11.22%, gần với mức tăng tín dụng 11.44%. Chênh lệch quy mô giữa huy động và tín dụng thu hẹp từ khoảng 2.8 triệu tỷ đồng xuống 2.35 triệu tỷ đồng, cho thấy tiền gửi có khuynh hướng quay lại hệ thống ngân hàng, theo đó mặt bằng lãi suất huy động có khả năng sẽ ổn định và ít có dư địa leo thang trong thời gian tới.
- Thông tư 50/2026/TT-NHNN, có hiệu lực từ ngày 01/12/2026, nâng trần tỷ lệ cho vay trên tiền gửi từ 85% lên 95% và mở rộng cơ sở tính tiền gửi. Thay đổi này tạo thêm dư địa cho các ngân hàng sát trần, qua đó có thể giảm cạnh tranh huy động.
- Tuy nhiên, lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm chốt ngày 30/10 tại 4.58%, không đổi so với cuối tháng 9 và dao động hẹp trong khoảng 4.56–4.59 cho thấy tín hiệu nới lỏng chưa thực sự rõ ràng.

Lãi suất liên ngân hàng (%/năm)



Lợi suất TPCP (%/năm)



Nguồn: Fiiinpro

2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG

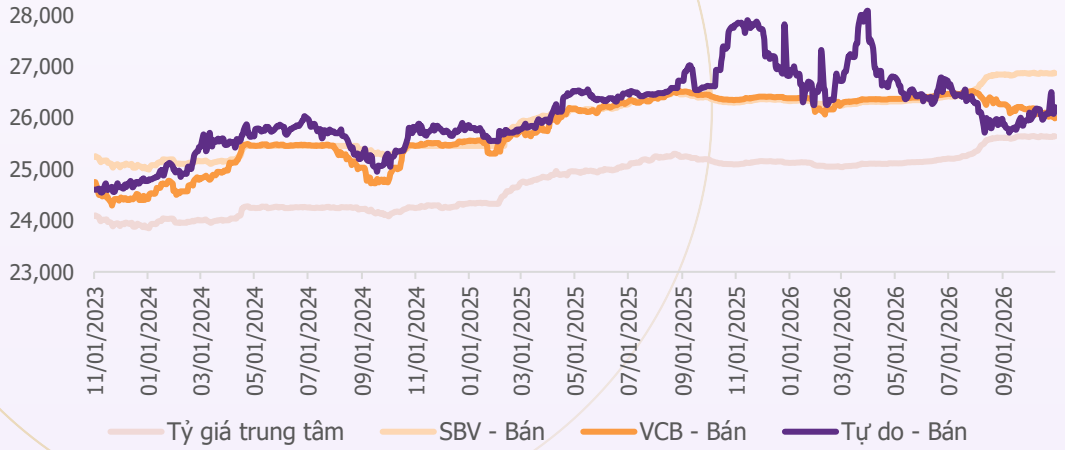
Tỷ giá: VND giữ giá trước đà tăng của USD

Ngày 30/10, giá bán USD tại Vietcombank đạt 25,990 đồng, giảm 0.65% trong tháng và 1.47% từ đầu năm. Tỷ giá trung tâm gần như đi ngang ở mức 25,637 đồng/USD, tăng 0.04% trong tháng và 2.05% từ đầu năm. Trong khi đó, DXY đạt 102.07 điểm ngày 29/10, tăng tương ứng 0.87% và 4.22%; bình quân tháng tăng 2.1% so với tháng 9. Diễn biến này cho thấy VND giữ giá tốt trước sức mạnh của USD, dù DXY không phải thước đo trực tiếp áp lực lên tỷ giá USD/VND.

- Kênh ngân hàng cho thấy diễn biến của tỷ giá tương đối thuận lợi. Giá bán tại Vietcombank thấp hơn khoảng 3.3% so với giá bán can thiệp của NHNN là 26,868 đồng/USD. Khoảng cách này cho thấy tỷ giá giao dịch còn cách đáng kể mức giá bán can thiệp.
- Thị trường tự do là điểm cần theo dõi. Giá bán USD cuối tháng đạt 26,210 đồng, tăng 1% so với tháng trước nhưng vẫn giảm 2.27% từ đầu năm. Chênh lệch so với Vietcombank chuyển từ thấp hơn khoảng 0.8% cuối tháng 9 sang cao hơn khoảng 0.85% cuối tháng 10; riêng ngày 26/10 có lúc lên 26,500 đồng. Sự đảo chiều này cho thấy nhu cầu ngoại tệ ngoài kênh ngân hàng gia tăng, song chưa đủ cơ sở khẳng định sức ép đã lan sang thị trường chính thức.

Tỷ giá ổn định hỗ trợ thị trường chứng khoán, nhưng tác động phân hóa theo doanh nghiệp. Rủi ro quy đổi sang USD của nhà đầu tư nước ngoài giảm, trong khi doanh nghiệp nhập khẩu và có nghĩa vụ trả nợ bằng USD được hưởng lợi. Với doanh nghiệp xuất khẩu, tác động phụ thuộc vào đồng tiền thanh toán, tỷ trọng nguyên liệu nhập khẩu và mức độ phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Chúng tôi đánh giá tỷ giá ngân hàng vẫn trong trạng thái ổn định, nhưng rủi ro cuối năm cần được theo dõi qua sự lan truyền từ thị trường tự do. Nếu chênh lệch giữa hai thị trường tiếp tục mở rộng cùng đà tăng của DXY và giá USD ngân hàng bắt đầu nhích lên, nhận định ổn định cần được xem xét lại. Ngược lại, chênh lệch thu hẹp sẽ củng cố khả năng sức ép hiện tại chỉ mang tính cục bộ.

Tỷ giá VND/USD



Nguồn: Fiiinpro

DXY (điểm)



Nguồn: Wifeed

2.1. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thuế quan quay trở lại

Kết quả điều tra thuế quan của Mỹ có thể tác động đến tâm lý thị trường trong tuần cuối tháng 11. Ngày 29/11 là hạn chót kết luận điều tra Mục 301 về sở hữu trí tuệ đối với Việt Nam. Việc đàm phán thương mại song phương cơ bản hoàn tất giúp giảm nguy cơ xuất hiện biện pháp bất lợi trên diện rộng, nhưng chưa loại bỏ khả năng áp thuế bổ sung. Điều cần theo dõi là những ngành nào bị ảnh hưởng, mức thuế có cộng dồn hay không và thời điểm thực thi.

- Xuất khẩu tăng mạnh, nhưng sức chịu đựng giữa các ngành không đồng đều. Tính chung 10 tháng 2026, xuất khẩu sang Mỹ đạt 159.4 tỷ USD, tăng 26.2%, chiếm khoảng 31.9% tổng kim ngạch xuất khẩu; thặng dư với Mỹ đạt 140.1 tỷ USD. Tuy nhiên, tăng trưởng chủ yếu đến từ điện tử, máy móc và điện thoại: nhóm này chiếm 56% kim ngạch và tăng 39.2%. Ngược lại, nhóm thâm dụng lao động chiếm 25% chỉ tăng 1.1%. Vì vậy, số liệu tổng thể tích cực chưa phản ánh đầy đủ khó khăn của các ngành có nhiều doanh nghiệp niêm yết.
- Dệt may, gỗ và thủy sản nhạy cảm hơn với thuế bổ sung. Khi đơn hàng tăng chậm, thuế mới có thể khiến doanh nghiệp phải chia sẻ thêm chi phí với khách hàng, giảm giá bán hoặc chấp nhận biên lợi nhuận thấp hơn. Mức ảnh hưởng sẽ phụ thuộc vào tỷ trọng doanh thu từ Mỹ, khả năng đàm phán và cơ cấu sản phẩm của từng doanh nghiệp.
- Chúng tôi nghiêng về kết quả đàm phán hoặc biện pháp có phạm vi hẹp. Kịch bản thỏa thuận hoặc gia hạn được gán xác suất 50%; thuế có mục tiêu là 35%; thuế diện rộng là 15%. Hai kịch bản đầu có thể giúp giải tỏa bất định hoặc giới hạn tác động tại một số ngành. Ngược lại, thuế diện rộng sẽ gây sức ép lớn hơn lên kỳ vọng xuất khẩu, tỷ giá và dòng vốn. Kết luận điều tra cũng chưa đồng nghĩa thuế mới lập tức có hiệu lực.
- Ảnh hưởng đến thị trường có thể lớn hơn tác động trực tiếp lên lợi nhuận. Phần lớn kim ngạch điện tử thuộc khối FDI không niêm yết. Tuy nhiên, thông tin bất lợi có thể khiến nhà đầu tư thận trọng hơn, gia tăng áp lực bán của khối ngoại và ảnh hưởng kỳ vọng thu hút FDI vào khu công nghiệp.

Trong tháng 11, cần đánh giá rủi ro theo từng doanh nghiệp thay vì phản ứng đồng loạt với nhóm xuất khẩu. Trọng tâm theo dõi là nội dung kết luận, tiến triển đàm phán và khả năng bảo vệ lợi nhuận của doanh nghiệp.

Các mốc thuế quan chính

02/4/2025
Mỹ công bố thuế đối ứng theo IEEPA
46% (công bố)

07/2025
Hai bên đạt khung thỏa thuận, Mỹ hạ thuế đối ứng
20%

20/02/2026
Tòa án Tối cao Mỹ bác thuế IEEPA
Ngừng thu 20% từ 24/02/2026

24/02–24/7/2026
Thuế toàn cầu tạm thời Mục 122 (tối đa 150 ngày)
10%

11–12/3/2026
USTR mở điều tra Mục 301: dư thừa công suất, lao động cưỡng bức

30/4/2026
Việt Nam bị xếp "quốc gia nước ngoài ưu tiên" (Special 301)

29/5/2026
USTR mở điều tra Mục 301 về sở hữu trí tuệ, riêng Việt Nam

24/7/2026
Kết luận điều tra lao động cưỡng bức, thay thế thuế Mục 122
12.5% (trừ hàng miễn trừ, Mục 232)

07–14/10/2026
Bộ Công Thương: đàm phán Hiệp định đối ứng cơ bản hoàn tất

29/11/2026
Hạn chót kết luận điều tra sở hữu trí tuệ
Chưa xác định

2.2

DỰ BÁO KỊCH BẢN VẬN ĐỘNG CỦA CHỈ SỐ VN-INDEX

Các kịch bản kỹ thuật được xây dựng nhằm mô tả những trạng thái vận động có khả năng xảy ra của VN-Index dưới các điều kiện thị trường khác nhau.

Cách tiếp cận này không hướng tới việc dự báo chính xác diễn biến của chỉ số mà tập trung xác định các ngưỡng xác nhận xu hướng và những tín hiệu kỹ thuật cần theo dõi trong quá trình vận động của thị trường.



2.2. DỰ BÁO KỊCH BẢN VN-INDEX

Quan điểm kỹ thuật chỉ số VN-index:

Điểm nhấn kỹ thuật

Tại ngày 03/11/2026, đồ thị VN-Index phản ánh trạng thái tiêu cực khi nhịp phục hồi từ 1,677 lên quanh 1,780 điểm trong giai đoạn 20–23/10 gần như bị xóa bỏ, đưa chỉ số trở lại sát đáy tháng 10. Việc xuyên thủng toàn bộ hệ thống đường trung bình động cho thấy xu hướng ngắn hạn suy yếu rõ rệt; khả năng hình thành nhịp đảo chiều tăng sẽ phụ thuộc lớn vào phản ứng của lực cầu tại hai vùng hỗ trợ 1,677 và 1,651 điểm, tương ứng đáy tháng 10 và tháng 7. Tuy nhiên, trong khung thời gian rộng hơn, VN-Index vẫn vận động trong trạng thái đi ngang dài hạn từ tháng 10/2025. Theo đó, chiến lược giao dịch theo vùng hỗ trợ–kháng cự vẫn phù hợp, với việc gia tăng vị thế cần đi kèm tín hiệu xác nhận lực cầu tại hỗ trợ và chủ động hiện thực hóa lợi nhuận khi chỉ số tiến gần kháng cự.

Bộ chỉ báo động lượng

RSI (14)	**37.05**	**GIẢM**
Dưới ngưỡng 50, chưa vào vùng quá bán (<30).		
CMF (20)	**-0.04**	**GIẢM**
Dòng tiền ròng âm nhẹ, bên bán nhỉnh hơn.		
Stochastic	**21.51**	**GIẢM**
Sát vùng quá bán (20), dễ xuất hiện nhịp hồi.		
CCI (20)	**-85.52**	**GIẢM**
Vùng âm, gần ngưỡng -100; động lượng suy yếu.		
Aroon	**+28.57%**	**TRUNG TÍNH**
Aroon Up nhỉnh hơn Down, xu hướng chưa rõ.		

Hệ thống EMA

VN-Index đóng cửa dưới toàn bộ hệ thống EMA; EMA10 < EMA20 < EMA50 cho thấy xu hướng ngắn hạn giảm. Vùng 1,727–1,736 điểm (EMA10–EMA20) là kháng cự gần, tiếp theo là 1,754–1,769 điểm.

EMA10	1,727.53	**KHÁNG CỰ**
EMA20	1,736.15	**KHÁNG CỰ**
EMA50	1,754.85	**KHÁNG CỰ**
EMA100	1,769.32	**KHÁNG CỰ**
EMA200	1,754.25	**KHÁNG CỰ**

Nguồn: Fiiinpro, Fireant.vn, TPS Research

NHẬN ĐỊNH TỔNG HỢP: VN-Index nằm dưới toàn bộ hệ thống EMA, xu hướng ngắn hạn nghiêng về giảm với kháng cự gần tại 1,727–1,736 điểm. RSI và Stochastic tiệm cận vùng quá bán nên nhịp hồi kỹ thuật có thể xuất hiện quanh hỗ trợ 1,677 điểm (đáy tháng 10); nếu thủng mốc này, hỗ trợ tiếp theo là 1,651 điểm.

2.2. DỰ BÁO KỊCH BẢN VN-INDEX

KỊCH BẢN CƠ SỞ

Xác suất 60%

1,677 – 1,780 điểm

Trong trường hợp VN-index giữ được vùng hỗ trợ 1,677 điểm – vùng đáy tháng 10 đồng thời là vùng hỗ trợ gần nhất trước mắt, VN-index có thể phục hồi trở lại, đây cũng là tiền đề để VN-index hình thành mô hình 2 đáy, một trong những mô hình tạo đáy và đảo chiều xu hướng phổ biến nhất trên thị trường tài chính.

Theo đó, trong kịch bản cơ sở chúng tôi kỳ vọng VN-index sẽ dao động trong vùng điểm số 1,677 điểm đến 1,780 điểm (vùng đỉnh tháng 10).

Lưu ý: 2 mốc 1,677 điểm và 1,780 điểm đều đóng vai trò quan trọng trong việc mở rộng kịch bản sang tích cực hoặc tiêu cực. Do đó NĐT cần chú ý phản ứng của thị trường tại các vùng điểm số này trong tháng 11.

Chiến lược phân bổ tài sản:

NĐT có thể duy trì tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt ở mức 60/40 trong kịch bản cơ sở và linh hoạt hạ tỷ trọng nếu VN-index có dấu hiệu suy yếu tại vùng điểm mục tiêu cao nhất.

KỊCH BẢN TÍCH CỰC

Xác suất 20%

1,875 điểm

Kịch bản tích cực là phần mở rộng của kịch bản cơ sở. Trong trường hợp VN-index vượt kháng cự 1,780 điểm (vùng đỉnh tháng 10) với thanh khoản cải thiện, đồ thị sẽ xác nhận mô hình 2 đáy với đường viền cổ tại 1,780 điểm.

Theo nguyên tắc đo lường của mô hình, mục tiêu tăng được xác định bằng chiều cao từ đáy 1,677 điểm đến viền cổ 1,780 điểm (khoảng 100 điểm), tương ứng vùng 1,875 điểm.

Lưu ý: tín hiệu vượt 1,780 điểm cần được xác nhận bằng phiên đóng cửa trên ngưỡng này kèm thanh khoản gia tăng. Nếu chỉ số vượt lên rồi nhanh chóng quay lại dưới 1,780 điểm, khả năng cao đây là tín hiệu phá vỡ giả.

Chiến lược phân bổ tài sản:

NĐT có thể nâng tỷ trọng cổ phiếu/tiền mặt từ 60/40 lên 70/30 khi VN-index xác nhận vượt 1,780 điểm, đồng thời chốt lãi từng phần khi chỉ số tiệm cận vùng 1,875 điểm.

KỊCH BẢN TIÊU CỰC

Xác suất 20%

1,651 điểm

Trong trường hợp VN-index thủng hỗ trợ 1,677 điểm (vùng đáy tháng 10), mô hình 2 đáy sẽ không được xác nhận và chỉ số có thể lùi về kiểm định vùng hỗ trợ 1,651 điểm (vùng đáy tháng 7).

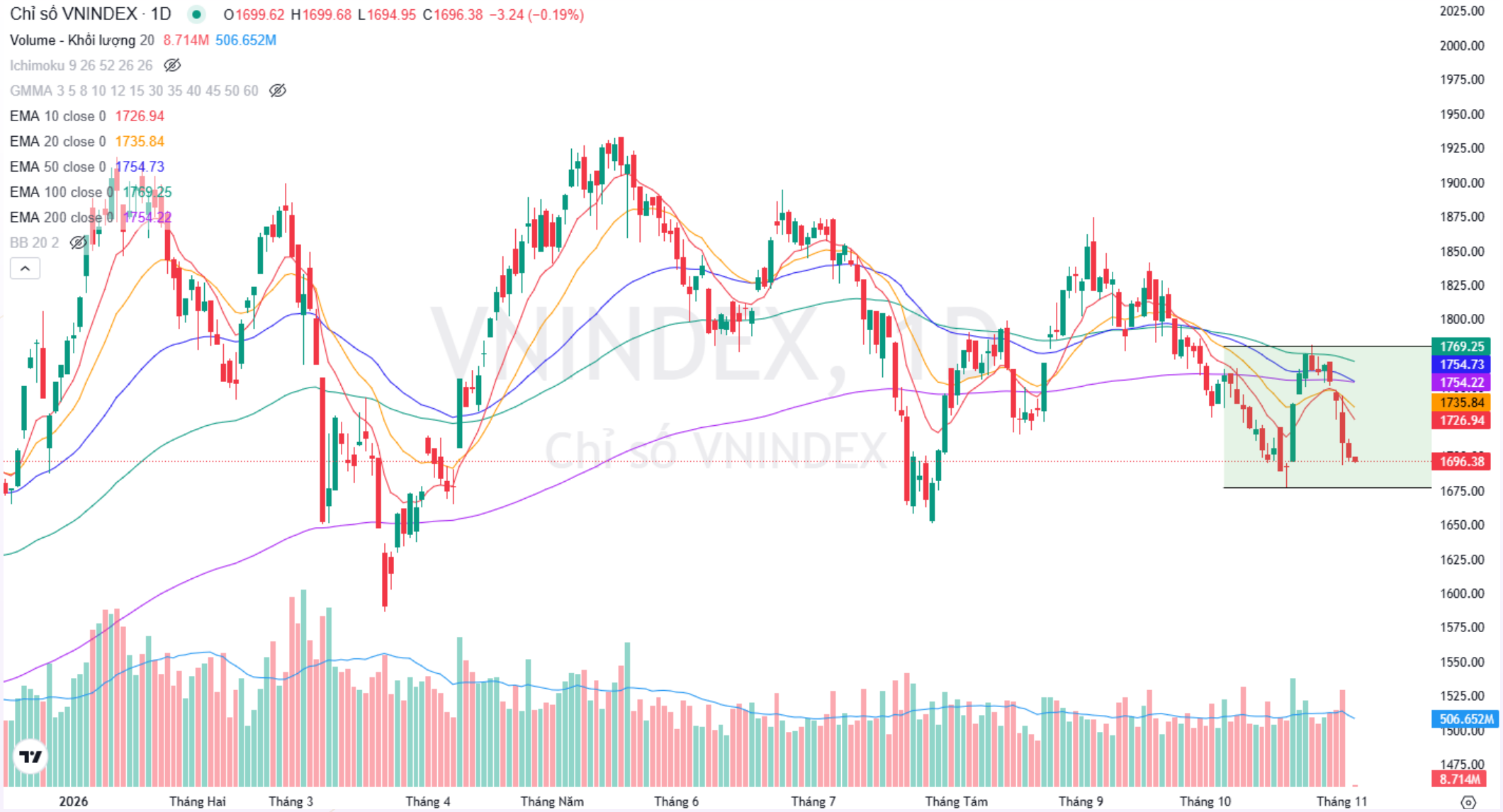
Lưu ý: khoảng cách từ vùng hỗ trợ gần nhất 1,677 đến vùng mục tiêu trong kịch bản tiêu cực 1,651 khá nhỏ, do đó NĐT không cần thiết hạ tỷ trọng bằng mọi giá khi mốc 1,677 bị xuyên thủng

Chiến lược phân bổ tài sản:

NĐT có thể giữ tỷ trọng cổ phiếu như ở kịch bản cơ sở.

TPS TIEN PHONG SECURITIES

2.2. DỰ BÁO KỊCH BẢN VN-INDEX



Đồ thị chỉ số VN-index. Nguồn: Fireant.vn

TPS
TIEN PHONG SECURITIES

03

BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU TÂM ĐIỂM & GỢI Ý CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Danh mục cổ phiếu tâm điểm và luận điểm đầu tư trọng tâm

STRATEGY STRATEGY STRATEGY

3.1. QUAN ĐIỂM KỸ THUẬT TOP 10 CỔ PHIẾU CÓ GTGD LỚN NHẤT THÁNG 10.2026

Mã	Giá đóng cửa 03/11/2026	% Thay đổi 1M	Các chỉ báo kỹ thuật					Hỗ trợ gần nhất	Kháng cự gần nhất	Đánh giá	Nhận định
			Aroon Osc	CMF	RSI	Stochastic	CCI				
HDB	21,800	-0.38%	-40.00	0.43	45.95	27.23	-107.05	21,600	22,900	Trung tính	Aroon âm cho thấy xu hướng giảm ngắn hạn, CCI dưới -100 đã vào vùng quá bán; CMF dương 0.43 cho thấy dòng tiền vẫn vào. Giá sát hỗ trợ 21,600 (cách ~1%), dưới kháng cự 22,900 ~5%; vùng 21,600 là mốc quan trọng cho xu hướng ngắn hạn.
TCB	21,400	-0.47%	-80.00	0.15	39.74	22.85	-103.10	20,900	22,950	Tiêu cực	Aroon -80 phản ánh xu hướng giảm chiếm ưu thế; CCI dưới -100, Stochastic sát 20 cho thấy trạng thái quá bán, CMF dương nhẹ. Giá trên hỗ trợ 20,900 ~2%, dưới kháng cự 22,950 ~7%; khả năng hồi kỹ thuật phụ thuộc vào việc giữ được hỗ trợ.
VHM	61,900	-8.84%	10.00	-0.04	42.07	61.04	-33.12	57,600	65,300	Trung tính	Giảm 8.8% trong tháng; các chỉ báo ở vùng trung tính (Aroon +10, RSI 42), CMF âm nhẹ cho thấy dòng tiền chưa trở lại. Giá cách hỗ trợ 57,600 ~7%, dưới kháng cự 65,300 ~5%; xu hướng ngắn hạn chưa rõ ràng.
VIC	234,000	+4.46%	80.00	0.23	52.97	84.46	57.75	205,000	246,000	Tích cực	Aroon +80 và CMF dương xác nhận xu hướng tăng, dòng tiền vào; Stochastic 84 đã vào vùng quá mua. Giá dưới kháng cự 246,000 ~5%, cách hỗ trợ 205,000 ~12%; rủi ro điều chỉnh ngắn hạn tăng khi giá tiến gần kháng cự.
MCH	133,500	-4.09%	-70.00	0.57	25.84	20.84	-222.63	131,000	136,000	Trung tính	Aroon -70 cho thấy xu hướng giảm; RSI 26 và CCI -223 quá bán sâu, trong khi CMF dương 0.57 cho thấy dòng tiền hấp thụ lực bán. Giá giữa hỗ trợ 131,000 và kháng cự 136,000 (cách mỗi mức ~2%), biên dao động hẹp.

Nguồn: Fiiinpro, Fireant.vn, TPS Research

3.1. QUAN ĐIỂM KỸ THUẬT TOP 10 CỔ PHIẾU CÓ GTGD LỚN NHẤT THÁNG 10.2026

Mã	Giá đóng cửa 03/11/2026	% Thay đổi 1M	Các chỉ báo kỹ thuật					Hỗ trợ gần nhất	Kháng cự gần nhất	Đánh giá	Nhận định
			Aroon Osc	CMF	RSI	Stochastic	CCI				
SHB	10,450	-6.28%	-70.00	0.17	39.59	44.35	-24.02	10,150	10,900	Trung tính	Aroon -70 cho thấy xu hướng giảm, RSI 40 và CCI -24 ở vùng trung tính yếu; CMF dương 0.17 hàm ý lực cầu vẫn hiện diện. Giá trên hỗ trợ 10,150 ~3%, dưới kháng cự 10,900 ~4%; giá dao động trong biên hẹp giữa hai mốc này.
FPT	50,400	-18.84%	-80.00	-0.56	16.42	5.07	-191.59	49,700	56,000	Tiêu cực	Giảm 18.8% trong tháng, CMF -0.56 cho thấy áp lực bán còn lớn dù RSI 16 và Stochastic 5 đã quá bán sâu. Giá sát hỗ trợ 49,700 (cách ~1%), dưới kháng cự 56,000 ~11%; chưa xuất hiện tín hiệu tạo đáy rõ ràng.
VPB	21,200	-7.42%	-90.00	0.04	28.07	4.65	-242.28	21,100	25,000	Tiêu cực	Aroon -90 phản ánh xu hướng giảm mạnh; RSI 28, Stochastic 5 và CCI -242 cho thấy quá bán cực độ, CMF quanh 0. Giá sát hỗ trợ 21,100 (cách ~0.5%), dưới kháng cự 25,000 ~18%; trạng thái quá bán mở ra khả năng hồi kỹ thuật.
HPG	21,250	+5.99%	-20.00	-0.23	54.76	42.67	52.25	20,500	22,600	Tích cực	Tăng 6% trong tháng, RSI 55 và CCI +52 cho thấy động lượng cải thiện, nhưng CMF -0.23 cho thấy dòng tiền chưa xác nhận. Giá trên hỗ trợ 20,500 ~4%, dưới kháng cự 22,600 ~6%; xu hướng tăng cần thanh khoản xác nhận.
SSI	19,150	-2.79%	-70.00	-0.13	40.39	25.78	-79.28	18,500	20,600	Tiêu cực	Aroon -70 và CMF âm nhẹ cho thấy xu hướng giảm, áp lực bán chưa dứt; Stochastic 26 tiệm cận vùng quá bán. Giá trên hỗ trợ 18,500 ~3%, dưới kháng cự 20,600 ~8%; vùng 18,500 là mốc quan trọng cho xu hướng ngắn hạn.

Nguồn: Fiinpro, Fireant.vn, TPS Research

TPS TIEN PHONG SECURITIES

3.2. GỢI Ý CƠ HỘI ĐẦU TƯ

TCH

HOSE · CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

TÍN HIỆU KỸ THUẬT	GIÁ HIỆN TẠI (04/11/2026)	GIÁ MỤC TIÊU	CẮT LỖ
MUA	12,750	16,600	11,700

Điểm nhấn kỹ thuật

TCH **bứt phá trendline giảm dài hạn** (T10.2025 – T10.2026) với khối lượng 20.8 triệu, gấp 3 lần trung bình 20 phiên, và vượt đỉnh ngắn hạn 12,600, xác nhận **xu hướng tăng** với độ tin cậy cao.

Diễn biến giá



Upside mục tiêu	Tới mức cắt lỗ
+30.20%	-8.24%

Bộ chỉ báo động lượng

RSI (14)	**70.73**	TĂNG

Vượt ngưỡng 70, động lượng tăng mạnh, sát vùng quá mua.

CMF (20)	**0.28**	TĂNG

Dòng tiền ròng dương mạnh, lực mua chiếm ưu thế.

Stochastic	**100.00**	TĂNG

Vùng quá mua (>80), lưu ý nhịp rung lắc.

CCI (20)	**119.73**	TĂNG

Vượt ngưỡng +100, động lượng tăng mạnh.

Aroon	**100.00%**	TĂNG

Aroon Up đạt 100%, xu hướng tăng chiếm ưu thế.

Hệ thống EMA

Giá hiện tại nằm trên EMA10, EMA20, EMA50 và EMA100 cho thấy xu hướng ngắn – trung hạn đã cải thiện, trong khi EMA200 (12,970) là kháng cự dài hạn gần nhất cần vượt qua.

EMA10	12,020	HỖ TRỢ
EMA20	11,780	HỖ TRỢ
EMA50	11,660	HỖ TRỢ
EMA100	12,070	HỖ TRỢ
EMA200	12,970	KHÁNG CỰ

NHẬN ĐỊNH TỔNG HỢP: Cả 5 chỉ báo động lượng đồng thuận tích cực và giá bứt phá trendline giảm dài hạn với khối lượng đột biến, ủng hộ tín hiệu MUA với mục tiêu 16,600. Rủi ro ngắn hạn: RSI và Stochastic đã vào vùng quá mua, EMA200 (12,970) là kháng cự gần cần vượt qua.

Nguồn: Fireant.vn, TPS Research

3.2. GỢI Ý CƠ HỘI ĐẦU TƯ

TCH

Kịch bản đầu tư

KỊCH BẢN CƠ SỞ

16,600
Mục tiêu · +30.20%

Giá giữ vững trên 11,700, xu hướng tăng tiếp diễn

Luận điểm: giá bứt phá trendline giảm dài hạn với khối lượng đột biến, 5 chỉ báo động lượng đồng thuận tăng.

Cắt lỗ 11,700: dừng lỗ nếu giá vi phạm, bảo toàn sức mua cho kịch bản dự phòng.

KỊCH BẢN DỰ PHÒNG

10,500 – 10,800
Vùng hỗ trợ

Giá thủng mức cắt lỗ 11,700, tìm về vùng hỗ trợ thấp hơn

Diễn biến: giá tìm về vùng hỗ trợ 10,500 – 10,800 để tái cân bằng.

Kỳ vọng: giá phục hồi từ vùng hỗ trợ, mục tiêu **13,000** hoặc **16,600** tùy thị trường.

Biểu đồ kỹ thuật TCH



Nguồn: Fireant.vn, TPS Research

3.2. GỢI Ý CƠ HỘI ĐẦU TƯ

VCI

HOSE · CTCP Chứng khoán Vietcap

TÍN HIỆU KỸ THUẬT	GIÁ HIỆN TẠI (04/11/2026)	GIÁ MỤC TIÊU	CẮT LỖ
MUA	20,250	24,000	19,800

Điểm nhấn kỹ thuật

VCI **bứt phá trendline giảm ngắn hạn** với khối lượng 21.83 triệu, gấp 2.6 lần trung bình 20 phiên, củng cố **mô hình 2 đáy** tại hỗ trợ cứng 18,000 (T07 và T10.2026).

Diễn biến giá



Upside mục tiêu	Tới mức cắt lỗ
+18.52%	-2.22%

Bộ chỉ báo động lượng

RSI (14)	**61.01**	TĂNG

Trên ngưỡng 50, động lượng tăng, chưa vào vùng quá mua.

CMF (20)	**0.05**	TĂNG

Dòng tiền ròng dương nhẹ, lực mua nhỉnh hơn.

Stochastic	**58.10**	TĂNG

Vùng trung tính (20–80), còn dư địa tăng.

CCI (20)	**167.75**	TĂNG

Vượt ngưỡng +100, động lượng tăng mạnh.

Aroon	**14.29%**	YẾU

Aroon Up 14.29%, xu hướng tăng chưa được xác lập.

Hệ thống EMA

Giá hiện tại nằm trên EMA10, EMA20 và EMA50 cho thấy xu hướng ngắn hạn đã cải thiện, trong khi EMA100 (21,120) và EMA200 (22,890) là các kháng cự trung – dài hạn cần vượt qua.

EMA10	19,160	HỖ TRỢ
EMA20	19,190	HỖ TRỢ
EMA50	19,850	HỖ TRỢ
EMA100	21,120	KHÁNG CỰ
EMA200	22,890	KHÁNG CỰ

NHẬN ĐỊNH TỔNG HỢP: Giá bứt phá trendline giảm ngắn hạn với khối lượng đột biến, RSI và CCI tích cực, ủng hộ tín hiệu MUA với mục tiêu 24,000. Rủi ro: Aroon còn yếu, EMA100 (21,120) và EMA200 (22,890) là kháng cự cần vượt qua; cắt lỗ chặt tại 19,800.

Nguồn: Fireant.vn, TPS Research

3.2. GỢI Ý CƠ HỘI ĐẦU TƯ

VCI

Kịch bản đầu tư

KỊCH BẢN CƠ SỞ

Giá giữ vững trên 19,800, xu hướng tăng tiếp diễn

24,000
Mục tiêu · +18.52%

Luận điểm: giá bứt phá trendline giảm ngắn hạn với khối lượng đột biến, củng cố mô hình 2 đáy tại 18,000.

Cắt lỗ 19,800: dừng lỗ nếu giá vi phạm, bảo toàn sức mua cho kịch bản dự phòng.

KỊCH BẢN DỰ PHÒNG

Giá thủng mức cắt lỗ 19,800, tìm về vùng hỗ trợ thấp hơn

18,000
Vùng hỗ trợ

Diễn biến: giá tìm về vùng hỗ trợ cứng 18,000 (đáy T07 và T10.2026) để tái cân bằng.

Kỳ vọng: giá phục hồi từ vùng hỗ trợ, mục tiêu **20,250** hoặc **24,000** tùy thị trường.

Biểu đồ kỹ thuật VCI



Nguồn: Fireant.vn, TPS Research

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS